



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

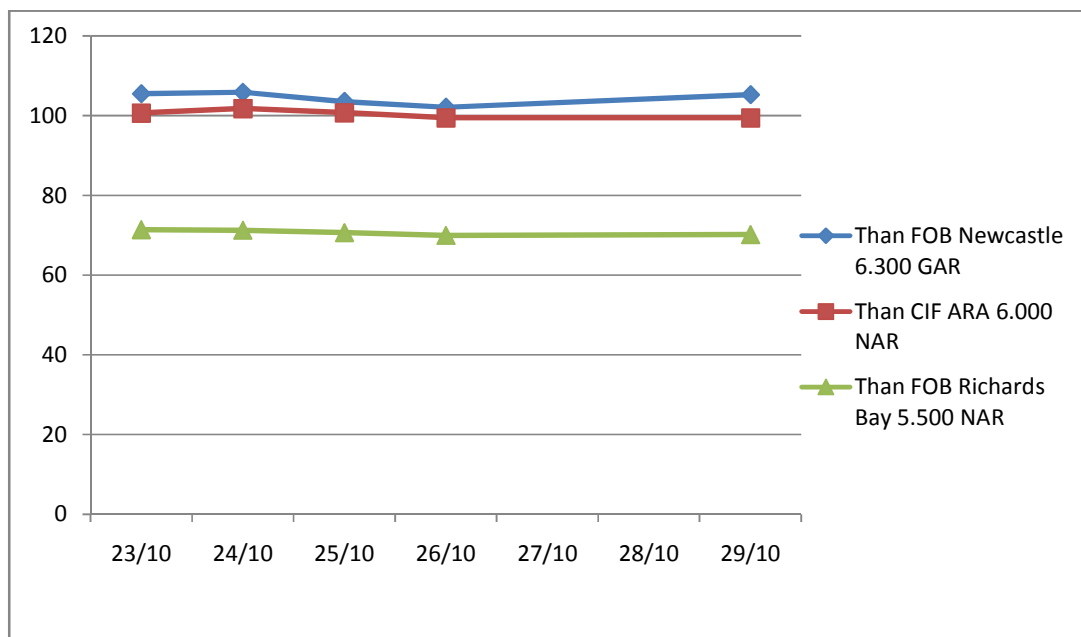
Ngày 01/11/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	105,30	+3,15	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	99,45	+0,60	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	70,15	+0,20	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	72,50	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	53,00	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	45,30	-0,75	314,10	-4,56
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	60,80	-0,20	412,57	-0,54
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	77,75	+0,00	539,10	+1,08

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 29/10/2018)

ĐIỂM TIN

Giá cước vận chuyển than đường biển của Trung Quốc giảm mạnh trong tuần tính đến ngày 23/10

Trong tuần tính đến ngày 23/10, giá cước vận chuyển than từ cảng Qinhuangdao phía Bắc Trung Quốc đến Zhangjiagang, Shanghai và cảng Guangzhou tại miền Đông và Nam Trung Quốc giảm khá mạnh, theo thông tin từ cảng vận Qinhuangdao vào thứ 3 (23/10). Mức giá cước vận chuyển từ Qinhuangdao đến Zhangjiagang tại miền Đông tỉnh Jiangsu cho các tàu 20.000-30.000 tấn giảm 3,10 NDT/tấn so với tuần trước xuống còn 51,70 NDT/tấn (7,45 USD/tấn). Mức phí vận chuyển từ Qinhuangdao đến Shanghai tại miền Đông Trung Quốc cho tàu 40.000-50.000 tấn giảm 1,70 NDT/tấn so với tuần trước đó xuống còn 44,30 NDT/tấn, trong khi cước phí vận chuyển từ Qinhuangdao đến Guangzhou tại miền Bắc tỉnh Guangdong Trung Quốc cho tàu tải trọng 50.000-60.000 tấn giảm 2,80 NDT/tấn xuống còn 52,40 NDT/tấn. Lượng than trong các kho dự trữ của các nhà máy nhiệt điện của Trung Quốc cao đã khiến cước phí vận chuyển giảm mạnh, cảng vận cho biết. Trong khi đó lượng than dự trữ tại cảng Qinhuangdao đạt 4,345 triệu tấn tính đến thứ 3 (23/10), giảm 4,72 triệu tấn so với tuần trước đó.

Các công ty xi măng Pakistan chuyển hướng mua than Indonesia do giá than Nam Phi cao

Các công ty xi măng Pakistan đã tăng cường mua than Indonesia trong thời gian gần đây do giá than Nam Phi tăng cao. Điều này đã tạo áp lực lên các doanh nghiệp bán than Nam Phi giao lẻ. Các công ty xi măng Pakistan đặc biệt ưa chuộng than Nam Phi do nhiệt trị cao, hàm lượng lưu huỳnh và độ tro hợp lý. Tuy nhiên giá quá cao đã khiến than Nam Phi 6.000 kcal/kg NAR trở nên kém hấp dẫn. Một công ty thương mại than Pakistan cho biết: “Khách hàng đang tìm đến than Indonesia, tuần trước chúng tôi đã chào giá cho gói thầu của một công ty xi măng ở mức 109,50 USD/tấn, điều kiện CFR Pakistan tuy nhiên họ ưa chuộng loại than Indonesia giá rẻ hơn”. Công ty thương mại này đang tìm mua 50.000 tấn than Nam Phi nhiệt trị cao giao trong tháng 11, tuy nhiên với mức giá hiện tại họ chỉ có thể đạt được lợi nhuận 50cent/tấn trên mỗi giao dịch. Than Indonesia giá rẻ trở thành lựa chọn hấp dẫn do loại than này có độ tro thấp - một ưu điểm lớn đối với các công ty xi măng.

Cước phí vận chuyển than đến Pakistan đạt 16 USD/tấn

Một công ty thương mại than Pakistan cho biết họ được chào phí vận chuyển trong khoảng 16 USD/tấn cho 1 tàu 55.000-60.000 tấn từ Nam Phi. Dựa theo giá giao dịch của than Nam Phi theo điều kiện FOB Richards Bay được ghi nhận vào thứ 4 (24/10), giá than Nam Phi vận chuyển đến Pakistan sẽ ở khoảng 115 USD/tấn, điều kiện CFR Qasim, còn cao hơn giá chào bán từ các công ty thương mại. Trong khi đó, than Indonesia 6.300 kcal/kg GAR-tương đương với than 6.000 kcal/kg NAR- được chào bán đến thị trường Pakistan với giá khoảng 100 USD/tấn, rẻ hơn rất nhiều so với tất cả giá chào than Nam Phi hiện tại. Các chuyên gia cho rằng xu hướng này sẽ tiếp tục duy trì trong ngắn hạn khi giá than Nam Phi sẽ giữ ở mức cao, điều này đã tạo áp lực lên thị trường than giao theo điều kiện FOB Richards Bay. Pakistan đã nhập khẩu 6,9 triệu tấn than Nam Phi trong tám tháng đầu năm, theo dữ liệu hải quan. Khối lượng trên tương đương 13,8% tổng lượng than xuất khẩu của Nam Phi.

(Nguồn: www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	10,70	+0,25
	Queensland	Nhật Bản	12,30	+0,30
	New South Wales	Hàn Quốc	13,15	+0,30
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	14,20	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	10,05	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,50	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,40	+0,00
	Australia	Trung Quốc	13,40	+0,00
	Australia	Ấn Độ	15,00	+0,00

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 29/10/2018)